BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 105/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2017*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện điểm c khoản 1 Điều 6 Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 2085/QĐ-TTg).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách, phân bổ, quản lý, cấp phát, thanh toán, báo cáo kế toán, quyết toán ngân sách thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thành phố trực

thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

Điều 2. Lập dự toán, phân bổ ngân sách giao dự toán

Việc lập dự toán, phân bổ ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán, bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho đối tượng thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện; ngoài ra hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng, nhu cầu kinh phí thực hiện đối với từng chính sách (chia theo vốn đầu tư, vốn sự nghiệp, phần ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và phần vốn lồng ghép), lập và phê duyệt Đề án để thực hiện theo quy định của Quyết định số 2085/QĐ-TTg cho giai đoạn 2017 – 2020, kế hoạch thực hiện từng năm gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu có liên quan để lồng ghép bố trí vốn.

2. Hằng năm, căn cứ Đề án thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg của địa phương và kế hoạch thực hiện Đề án đã được phê duyệt, cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án ở địa phương (chi tiết vốn đầu tư, thường xuyên, phần ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương đảm bảo, nguồn lồng ghép) theo từng chính sách, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ có liên quan để tổng hợp kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm trình Chính phủ, trình Quốc hội quyết định.

3. Căn cứ dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao, nguồn ngân sách địa phương, vốn lồng ghép khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg, cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn chi tiết đến từng chính sách gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Trên cơ sở dự toán kinh phí do cơ quan dân tộc cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi, Sở Tài chính

chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cùng với dự toán ngân sách địa phương hằng năm.

4. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách cho cấp huyện (chi tiết vốn đầu tư, thường xuyên). Căn cứ số bổ sung có mục tiêu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và nguồn ngân sách cấp huyện, cơ quan tài chính cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định cùng với dự toán ngân sách cấp huyện hằng năm.

5. Căn cứ dự toán được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ vốn và thông báo cho từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) chi tiết theo từng chính sách hỗ trợ cho các hộ dân được hưởng theo danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp kinh phí ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo hình thức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để thực hiện.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện bổ sung có mục tiêu, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kinh phí hỗ trợ cho từng chính sách. Sau khi Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ đến từng thôn, bản, điểm định canh, định cư, từng hộ dân theo từng chính sách.

Điều 3. Quản lý, cấp phát, thanh toán

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán ngân sách thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thực hiện và các văn bản khác có liên quan; đảm bảo chặt chẽ, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, nhất là những khoản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc hiện vật) cho các đối tượng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập danh sách cho từng hộ ký nhận và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo quy định:

1. Đối với hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán

a) Về hỗ trợ đất ở

Căn cứ phương án giải quyết về đất ở cho các hộ chưa có đất ở hoặc chưa đủ đất ở và tùy theo phương thức thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ chế cấp phát thanh toán cho phù hợp.

b) Về hỗ trợ đất sản xuất

- Trên cơ sở phương án giải quyết về đất sản xuất cho các hộ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, mức thanh toán tương ứng với số diện tích thực tế đã khai hoang hoặc chuyển nhượng và tối đa không vượt quá mức quy định hỗ trợ của nhà nước cho từng hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tùy theo phương thức thực hiện để có cơ chế cấp phát thanh toán cho phù hợp và đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Đối với đất dân tự khai hoang: Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn của cấp huyện được giao nhiệm vụ hướng dẫn các hộ tổ chức khai hoang theo đúng quy hoạch sử dụng đất của từng xã và phù hợp tập quán canh tác của đồng bào. Căn cứ kết quả khai hoang của các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thực hiện nghiệm thu khối lượng, lập biên bản nghiệm thu. Căn cứ danh sách các hộ dân tự tổ chức khai hoang, biên bản nghiệm thu diện tích khai hoang, giấy đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn của cấp huyện được giao nhiệm vụ hướng dẫn các hộ tổ chức khai hoang, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho hộ dân;

+ Đối với đất nhận chuyển nhượng: Ủy ban nhân dân cấp huyện giao một đơn vị chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cùng với các hộ dân xác định diện tích đất chuyển nhượng của các hộ, lập biên bản bàn giao (có xác nhận của các bên liên quan). Căn cứ định mức chi, danh sách và diện tích đất chuyển nhượng của các hộ dân, biên bản bàn giao; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán cho các hộ dân có đất chuyển nhượng.

- Đối với các công trình khai hoang tập trung: Việc tạm ứng, thanh toán vốn cho các công trình khai hoang tập trung được thực hiện theo quy định đối với các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thuộc Chương trình 135 (dự án 2) theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

c) Về thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện;

Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (các hộ dân nhận lu, stéc, vật dụng chứa nước; tự làm bể chứa nước; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện, cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân. Mức hỗ trợ không vượt quá mức quy định hỗ trợ của Nhà nước cho từng hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc cấp phát, thanh toán cho các đối tượng được hưởng chính sách theo các phương thức thực hiện như sau:

- Đối với các hộ dân được cấp lu, stéc, vật dụng chứa nước: Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, hợp đồng cung ứng giữa đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ với đơn vị cung ứng lu, stéc, vật dụng chứa nước; khối lượng lu, stéc, vật dụng chứa nước thực tế cấp cho các hộ dân theo biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng và từng hộ dân (có ký nhận của chủ hộ), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thanh toán cho các đơn vị cung cấp lu, stéc, vật dụng chứa nước theo quy định sau khi thống nhất với đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ ký hợp đồng với đơn vị cung ứng;

- Đối với các hộ dân tự làm bể chứa nước, tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác: Căn cứ định mức hỗ trợ theo quy định và danh sách đăng ký của các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã vận động các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương phối hợp với cộng đồng dân cư hướng dẫn, giúp đỡ các hộ thực hiện. Sau khi có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (có chữ ký xác nhận của hộ gia đình và ít nhất một tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các hộ.

d) Hỗ trợ hộ có lao động, có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm ngành nghề khác, tăng thu nhập

Căn cứ danh sách các hộ được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp gửi cơ quan làm công tác dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng.

đ) Về hồ sơ chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước khi thực hiện rút dự toán

Dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao; giấy rút dự toán theo quy định; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về mức hỗ trợ cho từng hộ dân theo từng chính sách.

e) Về trách nhiệm kiểm soát chi

Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán đảm bảo số tiền hỗ trợ theo đúng chính sách và danh sách phê duyệt theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của biên bản nghiệm thu và việc sử dụng số tiền hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng.

2. Về hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư cho hộ dân tộc thiểu số còn du canh du cư

a) Đối với hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng

- Hỗ trợ vốn đầu tư: Tạm ứng, thanh toán vốn cho các dự án, công trình (bồi thường, giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất; xây dựng đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, hệ thống nước sinh hoạt, lớp học, nhà mẫu giáo và nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và một số công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế) được thực hiện theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho cán bộ phát triển cộng đồng và áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Về hỗ trợ trực tiếp hộ du canh, du cư thực hiện định canh, định cư

- Về hỗ trợ làm nhà ở, công trình nước sinh hoạt, phát triển sản xuất và mua lương thực:

+ Đối với làm nhà ở và công trình nước sinh hoạt: Trường hợp các hộ tự làm nhưng có nhu cầu tạm ứng kinh phí để mua vật liệu, Uỷ ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách các hộ đề nghị tạm ứng và làm thủ tục tạm ứng cho các hộ để thực hiện chính sách đó. Mức tạm ứng tối đa 60% mức ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho từng hộ. Khi công trình hoàn thành, căn cứ kết quả nghiệm thu đối với từng hộ, Uỷ ban nhân dân cấp xã thanh toán cho các hộ; đồng thời làm thủ tục thu hồi số đã tạm ứng.

Trường hợp các hộ có nhu cầu cung ứng vật liệu, Uỷ ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu vật liệu của các hộ. Căn cứ số lượng vật liệu các hộ đã đăng ký, điều kiện cụ thể của từng thôn, bản trên địa bàn, Uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất của các hộ dân ký hợp đồng với các đơn vị cung ứng vật

liệu, đơn vị này thực hiện việc cung ứng cho các hộ tại thôn, bản. Căn cứ biên bản bàn giao giữa nhà thầu và từng hộ (có ký nhận của chủ hộ, xác nhận của đại diện thôn, bản), Uỷ ban nhân dân cấp xã thanh toán cho nhà thầu theo chế độ quy định hiện hành.

Trường hợp các hộ không có khả năng tự làm nhà ở, công trình nước sinh hoạt. Trên cơ sở số hộ đăng ký, điều kiện cụ thể của từng thôn, bản, Uỷ ban nhân dân cấp xã (hoặc đơn vị được Uỷ ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ) ký hợp đồng với nhà thầu (hoặc giới thiệu, hướng dẫn các hộ dân ký hợp đồng với nhà thầu) để làm nhà, công trình nước sinh hoạt cho các hộ. Căn cứ biên bản bàn giao giữa nhà thầu và từng hộ (có ký nhận của chủ hộ, xác nhận của đại diện thôn, bản), Uỷ ban nhân dân cấp xã thanh toán cho nhà thầu theo chế độ quy định hiện hành.

+ Về hỗ trợ phát triển sản xuất, mua lương thực

Căn cứ danh sách hỗ trợ các hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện, Uỷ ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (nhận bằng hiện vật hoặc nhận bằng tiền) làm căn cứ kiểm tra, kiểm soát, cấp phát kinh phí để thực hiện. Việc cấp phát, thanh toán theo các phương thức sau:

Đối với các hộ nhận bằng hiện vật: Trên cơ sở danh sách đăng ký của các hộ, hợp đồng cung ứng giữa đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ với đơn vị cung ứng; biên bản bàn giao khối lượng thực tế cấp cho các hộ giữa đơn vị cung ứng và từng hộ (có ký nhận của chủ hộ, xác nhận của đại diện thôn, bản), Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thanh toán cho các đơn vị cung cấp theo chế độ quy định hiện hành.

Đối với các hộ nhận bằng tiền: Căn cứ danh sách các hộ đăng ký có xác nhận của đại diện thôn, bản, Uỷ ban nhân dân cấp xã thanh toán tiền cho các hộ dân theo chế độ quy định hiện hành.

- Về hỗ trợ tạo nền nhà (ở những điểm định canh, định cư xen ghép) và hỗ trợ kinh phí di chuyển: Căn cứ danh sách các hộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương phối hợp với cộng đồng dân cư hướng dẫn giúp đỡ các hộ dân thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ kết quả kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, dự án, thẩm định và thực hiện thanh toán cho các hộ dân theo quy định.

3. Đối với các nội dung, chính sách của Quyết định số 2085/QĐ-TTg nằm trong các nội dung, dự án, hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia,

chương trình mục tiêu thì lồng ghép nguồn vốn của chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu để thực hiện. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, tổ chức thực hiện phải phù hợp với các quy định hiện hành liên quan áp dụng đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

Điều 4. Báo cáo kế toán và quyết toán

1. Kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg được hạch toán, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

a) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán cho hộ dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã khu vực III, thôn, bản đặc biệt khó khăn được hạch toán, tổng hợp vào ngân sách nhà nước như sau:

- Đối với nội dung chính sách hỗ trợ, kinh phí giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện được hạch toán, tổng hợp và quyết toán vào chi ngân sách cấp tỉnh;

- Đối với các nội dung chính sách hỗ trợ, giao dự toán hoặc ngân sách cấp tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện:

+ Trường hợp kinh phí hỗ trợ giao cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện hoặc ngân sách cấp huyện cấp ủy quyền cho ngân sách cấp xã thực hiện thì được hạch toán, tổng hợp quyết toán vào chi ngân sách cấp huyện;

+ Trường hợp ngân sách cấp huyện cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã thực hiện, được hạch toán và tổng hợp vào chi ngân sách cấp xã.

b) Uỷ ban nhân dân cấp xã, phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan tổ chức theo dõi tình hình cấp phát vốn thực hiện.

Hằng tháng, Uỷ ban nhân dân cấp xã, phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện kết quả, tiến độ thanh toán vốn để gửi Sở Tài chính, cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh để tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tiến độ thực hiện định kỳ 06 tháng, kết thúc năm và báo cáo quyết toán ngân sách gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các trường hợp hỗ trợ bằng tiền trực tiếp cho hộ dân, người lao động: Hạch toán Mục 7100 "Chi hỗ trợ kinh tế tập thể và dân cư", Tiểu mục 7149 "Khác" của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nội dung chính sách theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này, tổ chức triển khai việc rà soát, xác định đối tượng và nhu cầu vốn, xây dựng và phê duyệt Đề án thực hiện chính sách của địa phương giai đoạn 2017 – 2020 (theo Biểu 01, Biểu 02, Biểu 03, Biểu 04 ban hành kèm theo Thông tư này) và kế hoạch hằng năm (theo Biểu 05, Biểu 06, Biểu 07, Biểu 08 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra trước khi phê duyệt.

2. Nội dung Đề án phải làm rõ được tổng số hộ được hưởng chính sách, số hộ và số vốn cần hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, có báo cáo thuyết minh và văn bản đề nghị, gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra, cho ý kiến (theo Biểu mẫu ban hành kèm theo).

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về mẫu biểu và chế độ báo cáo ở địa phương để phục vụ cho công tác rà soát, tổng hợp xây dựng Đề án và thực hiện chế độ báo cáo với Trung ương.

3. Căn cứ Đề án được duyệt và kết quả thực hiện hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kế hoạch nhu cầu vốn thực hiện chính sách theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg gửi Ủy ban Dân tộc cùng với thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Hướng dẫn Uỷ ban nhân dân cấp huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện các chính sách trên địa bàn, triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm;

b) Tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chính sách của tỉnh báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ban hành các quy định về lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu để thực hiện các nội dung, chính sách tương tự được quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg và các nguồn vốn khác để thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

d) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chính sách theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và bền vững; tổng hợp kết quả thực hiện chính sách, báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Hằng năm, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các chính sách theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg về Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo (Biểu 04, Biểu 05, Biểu 06, Biểu 07, Biểu 08, Biểu 09, Biểu 10 ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng Công ty, Tập Đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN, (400).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

BIỂU 01

TỔNG HỢP SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Hộ gia đình.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Số hộ được hỗ trợ đất ở giai đoạn 2017-2020	Số hộ được hỗ trợ đất sản xuất giai đoạn 2017-2020	*Trong đó: Số hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề*	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán) giai đoạn 2017-2020	Số hộ được hỗ trợ định canh, định cư giai đoạn 2017-2020	*Trong đó:*		Tổng số hộ được hỗ trợ vay vốn giai đoạn 2017-2020	*Trong đó:*	
							Số hộ thuộc các dự án đã hoàn thành (*)	*Số hộ thuộc các dự án mới (**)*		*Số hộ được vay vốn hỗ trợ sản xuất*	*Số hộ được vay vốn cho mục đích khác (***)*
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
...											
TỔNG SỐ											

(*): Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng còn thiếu vốn.
(**): Dự án đang đầu tư dở dang và các dự án khởi công mới.
(***): Chi tiết theo mục đích vay vốn.

..... ngày ..... tháng ..... năm .....
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....
(ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 02

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2017 - 2020	Bao gồm:								
			Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ đất sản xuất	*Trong đó: Hỗ trợ chuyển đổi nghề*	Hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán)	Hỗ trợ định canh, định cư	*Trong đó:*			Hỗ trợ khác (*)
								Hỗ trợ đầu tư theo kế hoạch	*Hỗ trợ thanh toán dự án hoàn thành*	*Hỗ trợ chi trả các khoản khác*	
A	*B*	*1=2+3+5+6+10*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
...											
TỔNG SỐ											

(*): Chi tiết khoản hỗ trợ cụ thể (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm ....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

BIỂU 03

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nguồn vốn NSNN giai đoạn 2017 - 2020	Trong đó:												Trong đó:			Trong đó:				
			Vốn NSTW	Bao gồm:							Vốn NSĐP (*)	Bao gồm:		Vốn vay từ NH CSXH giai đoạn 2017 - 2020	Vay phục vụ sản xuất	Vay khác (***)	Vốn lồng ghép giai đoạn 2017 - 2020	Đất ở, đất sản xuất	Nước sinh hoạt (phân tán)	Định canh, định cư	Lồng ghép khác	Vốn khác (****)
				Hỗ trợ đất sản xuất	Trong đó: Chuyển đổi nghề	Hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán)	Hỗ trợ định canh, định cư	Trong đó:				Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ khác (**)									
								Vốn hoàn thành DA theo kế hoạch	Vốn thanh toán các DA hoàn thành đã đưa vào sử dụng	Thanh toán các khoản khác												
A	B	1=2+10	2=3+5+6	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16=17+18+19+20	17	18	19	20	21
1																						
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
...																						
TỔNG SỐ																						

(*): Trường hợp địa phương quy định chuẩn nghèo cao hơn hoặc bố trí mức hỗ trợ cao hơn: Thuyết minh chi tiết phần vốn hỗ trợ tăng thêm so quy định (nếu có).

(**): Chi tiết khoản hỗ trợ cụ thể (nếu có).

(***): Chi tiết mục đích vay (nếu có).

(****): Chi tiết nguồn vốn khác (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 04

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn	Trong đó:		Nguồn vốn NSNN giai đoạn	Trong đó:						Vốn lồng ghép giai đoạn	Trong đó:		Vốn khác (***)	Trong đó:	
			Vốn đầu tư (*)	Vốn sự nghiệp (**)		Vốn NSTW	Bao gồm:		Vốn NSĐP	Bao gồm:			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
							Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp						
A	B	1=4+11+14	2=6+9+12+15	3=7+10+13+16	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
...																	
TỔNG SỐ																	

(*): Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; hỗ trợ đầu tư các công trình định canh, định cư.

(**): Các khoản hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg.

(***): Chi tiết nguồn vốn cụ thể (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

BIỂU 05

TỔNG HỢP SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM .....

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Số hộ được hỗ trợ đất ở	Số hộ được hỗ trợ đất sản xuất	*Trong đó: Số hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề*	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán)	Số hộ được hỗ trợ định canh, định cư	*Trong đó:*		Số hộ được hỗ trợ vay vốn	*Trong đó:*	
							Số hộ thuộc các dự án đã hoàn thành (*)	*Số hộ thuộc các dự án mới (**)*		*Số hộ được vay vốn hỗ trợ sản xuất*	*Số hộ được vay vốn cho mục đích khác (***)*
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
...											
TỔNG SỐ											

(*): Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng còn thiếu vốn.
(**): Dự án đang đầu tư dở dang và các dự án khởi công mới.
(***): Chi tiết theo mục đích vay vốn.

..... ngày ..... tháng ..... năm .....
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....
(ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 06

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM .....

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện	Bao gồm:								
			Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ đất sản xuất	*Trong đó: Hỗ trợ chuyển đổi nghề*	Hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán)	Hỗ trợ định canh, định cư	*Trong đó:*			Hỗ trợ khác (*)
								Hỗ trợ đầu tư theo kế hoạch	*Hỗ trợ thanh toán dự án hoàn thành*	*Hỗ trợ chi trả các khoản khác*	
A	*B*	*1=2+3+5+6+10*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=7+8+9*	*7*	*8*	*9*	*10*
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
...											
TỔNG SỐ											

(*): Chi tiết khoản hỗ trợ cụ thể (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm ....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

BIỂU 07

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM .....

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nguồn vốn NSNN	Trong đó:																		
			Vốn NSTW	Bao gồm:							Vốn NSĐP (*)	Bao gồm:		Vốn vay từ NH CSXH	Trong đó:		Vốn lồng ghép	Trong đó:				Vốn khác (****)
				Hỗ trợ đất sản xuất	Trong đó: Chuyển đổi nghề	Hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán)	Hỗ trợ định canh, định cư	Trong đó:				Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ khác (**)		Vay phục vụ sản xuất	Vay khác (***)		Đất ở, đất sản xuất	Nước sinh hoạt (phân tán)	Định canh, định cư	Lồng ghép khác	
								Vốn hoàn thành DA theo kế hoạch	Vốn thanh toán các DA đã hoàn thành đưa vào sử dụng	Thanh toán các khoản khác												
A	B	1=2+10	2=3+5+6	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16=17+18+19+20	17	18	19	20	21
1																						
2																						
3																						
4																						
5																						
6																						
7																						
8																						
...																						
TỔNG SỐ																						

(*): Trường hợp địa phương quy định chuẩn nghèo cao hơn hoặc bố trí mức hỗ trợ cao hơn: Thuyết minh chi tiết phần vốn hỗ trợ tăng thêm so quy định (nếu có).

(**): Chi tiết khoản hỗ trợ cụ thể (nếu có).

(***): Chi tiết mục đích vay (nếu có).

(****): Chi tiết nguồn vốn khác (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 08

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM .....

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Tổng nguồn vốn thực hiện	Trong đó:		Nguồn vốn NSNN	Trong đó:						Vốn lồng ghép	Trong đó:		Vốn khác (***)	Trong đó:	
			Vốn đầu tư (*)	Vốn sự nghiệp (**)		Vốn NSTW	Bao gồm:		Vốn NSĐP	Số hộ được vay vốn hỗ trợ sản xuất			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
							Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp						
A	*B*	*1=4+11+14*	*2=6+9+12+15*	*3=7+10+13+16*	*4=5+8*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11=12+13*	*12*	*13*	*14=15+16*	*15*	*16*
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
...																	
TỔNG SỐ																	

(*): Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; hỗ trợ đầu tư các công trình định canh, định cư.

(**): Các khoản hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg.

(***): Chi tiết nguồn vốn cụ thể (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 09

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ THUỘC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐẾN NĂM .....

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Vốn NSNN đã được bố trí	Trong đó:					Vốn vay từ NH CSXH đã được bố trí	Trong đó:		Vốn lồng ghép đã bố trí	Vốn khác đã bố trí
			Vốn NSTW	Bao gồm:			Vốn NSĐP (*)		*Vay đầu tư các công trình ĐCĐC*	*Số hộ được vay vốn hỗ trợ sản xuất*		
				Đầu tư các công trình mới	*Thanh toán vốn công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng*	*Chi trả các khoản khác*						
A	B	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
...												
TỔNG SỐ												

(*): Đối với địa phương quy định chuẩn nghèo cao hơn hoặc bố trí mức hỗ trợ cao hơn theo quy định (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm ....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT THUỘC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐẾN NĂM .....

(Kèm theo Thông tư số 105/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Vốn NSNN đã bố trí	Trong đó:				Vốn NSĐP	Bao gồm:		Vốn vay đã được bố trí từ NH CSXH	Trong đó:		Vốn lồng ghép đã bố trí	Vốn khác đã bố trí
			Vốn NSTW	Bao gồm:				Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ khác		Vay phục vụ sản xuất	Vay khác (*)		
				Hỗ trợ đất sản xuất	Trong đó: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ nước sinh hoạt (phân tán)								
A	*B*	*1=2+6*	*2=3+5*	*3*	*4*	*5*	*6=7+8*	*7*	*8*	*9=10+11*	*10*	*11*	*12*	*13*
1														
2														
3														
4														
5														
6														
7														
8														
...														
TỔNG SỐ														

(*): Chi tiết nguồn vốn khác (nếu có).

..... ngày ..... tháng ..... năm ....

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (TP) .....

(ký, ghi rõ họ tên)